VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
SỐ THÁNG 6 NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC VIẾT TẮT 2
GIỚI THIỆU 3
PHẦN I. 4
ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG 4
TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 4
1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp 4
1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng 6
1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng 8
PHẦN II. 11
DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 7 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2025 11
2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025 11
2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025 11
2.2.1. Đối với cây trồng 11
2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi 15
PHẦN III. 18
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 7- THÁNG 9 NĂM 2025 18

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TN	Tây Nguyên
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU

Nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu định kỳ xuất bản bản tin **"Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp"** hằng tháng.

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn chuyên ngành:

- Dữ liệu quan trắc khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm khí tượng trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.

Bản tin tháng 6/2025 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025.
- Phần III – Khuyến nghị sản xuất nông nghiệp từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp trân trọng giới thiệu bản tin tháng 9/2025, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Đăng Mậu

PHẦN I.
ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025

1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

Từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025, thời tiết trên cả nước có nhiều biến động ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- Nhiệt độ: Tuần 1 dao động 20–31°C, sang tuần 2 nền nhiệt giảm mạnh ở khu vực Miền Trung (Từ Quảng Bình đến Bình Định) từ 1,0 – 2,4°C, khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ giảm 0,5 – 1,3°C.

- Lượng mưa: Lương mưa tuần 1 phổ biến từ 10 – 120mm, một số khu vực có lương mưa lớn như Bắc Quang (639mm), Tam Đường (338mm), Sìn Hồ, Anh Lưới (237mm), một số khu vực ĐBSH và BTB không có mưa hoặc lượng mưa nhỏ (dưới 10mm). Sang tuần 2, lượng mưa ở hầu hết các khu vực đều tăng, phổ biến từ 30 – 170mm, đặc biệt khu vực từ Quảng Bình đến Đà Nẵng lượng mưa đo được từ 318 – 867mm.

- Độ ẩm: Tuần 1 phổ biến 70–90%; tuần 2 tăng nhẹ, phổ biến 73–91%.

- Điều kiện khí tượng bất lợi với sản xuất nông nghiệp:

+ Nắng nóng: tuần 1 tháng 6, nắng nóng với cường độ nhẹ xuất hiện ở một số khu vực thuộc MNPB, ĐBSH và khu vực Miền Trung, sang tuần 2 nắng nóng chỉ xuất hiện ở khu vực BTB (Hình 2).

+ Khô hạn và thiếu nước: Trên phạm vi cả nước tình trạng khô hạn thiếu nước diễn ra cục bộ tại một số khu vực trong đó có Nghệ An, Hà Tĩnh, Tây Nguyên, Bình Thuận và một số khu vực thuộc ĐBSCL (Hình 3).

+ Mưa lớn: Trong tuần 1, lượng mưa ngày trên 50mm xuất hiện rải rác ở một số khu vực TDMNPB, sang tuần 2, mưa lớn xuất hiện tại nhiều khu vực, đáng chú ý khu vực từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi, lượng mưa ngày lớn nhất dao động từ 80-559m (Nam Đông: 559mm, Đà Nẵng: 401mm, A Lưới: 392mm) (Hình 4).

+ Xâm nhập mặn: Xâm nhập mặn đã có xu hướng giảm mạnh từ tháng 5, nhưng vẫn tồn tại ở mức cao do nguồn nước thượng nguồn yếu và kỳ triều cao vào cuối tháng 5 đầu tháng 6, tại TP Hồ Chí Minh cho thấy vẫn có xâm nhập mặn nhẹ tại các sông rạch nội thành. Khu vực ĐBSCL các sông như Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Cửa Tiểu, Cửa Đại, Cổ Chiên, và Hậu vẫn có ranh mặn 4 ‰ trong khoảng 35–60 km vào tháng 6, giảm so với đỉnh cao trước đó nhưng vẫn cần cảnh giác.

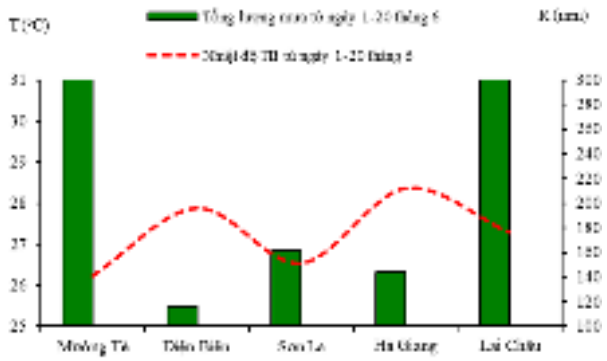

a) Khu vực TDMNBB

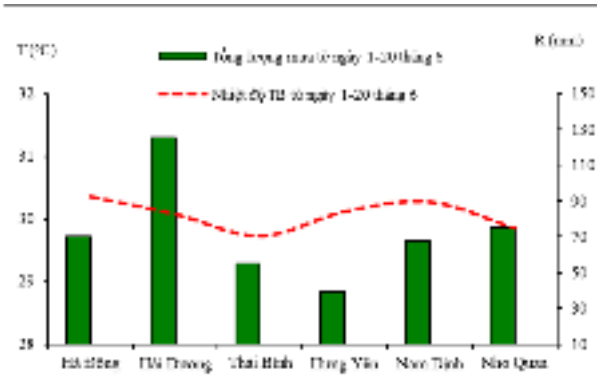

b) Khu vực ĐBSH

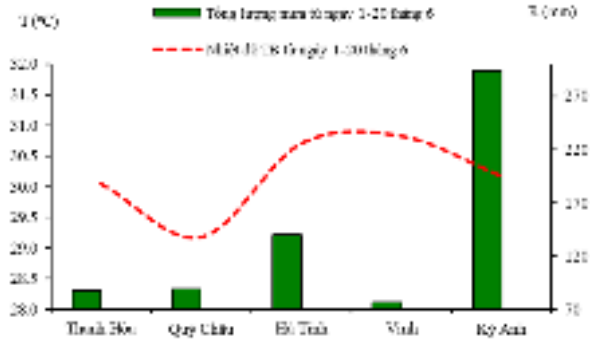

c) Khu vực BTB

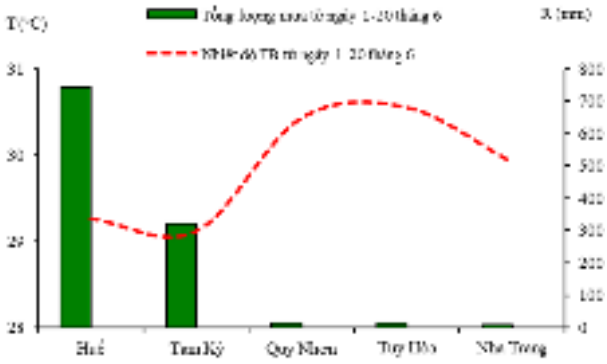

d) Khu vực DHNTB

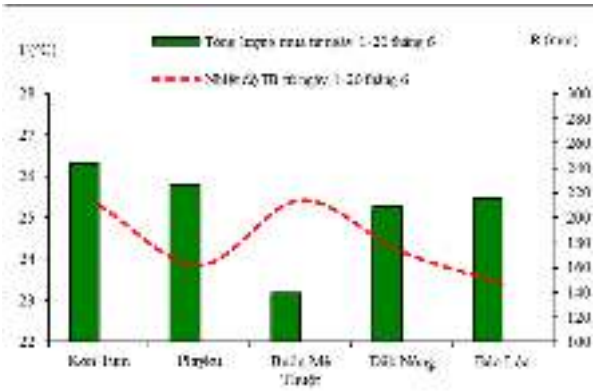

e) Khu vực Tây Nguyên

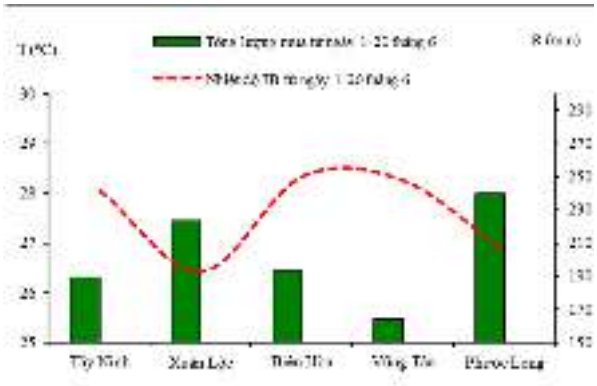

f) Khu vực Đông Nam Bộ

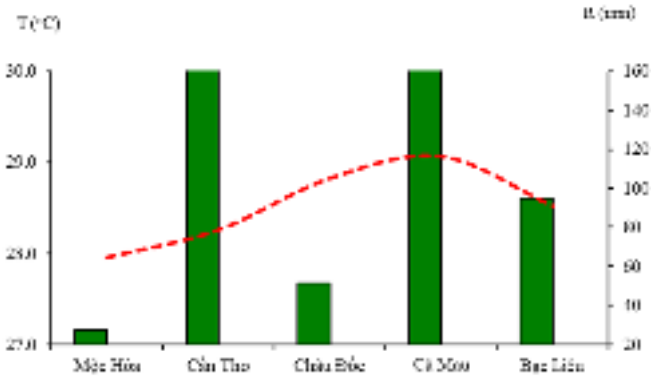

g) Khu vực ĐBSCL

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/6/2025 đến ngày 20/6/2025 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

Tình hình sinh trưởng cây trồng (Bảng 2):

- Miền Bắc: Lúa vụ mùa đang ở giai đoạn gieo – cấy –hồi xanh.

- Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Lúa vào giai đoạn đẻ nhánh rộ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của mưa lớn, nhiều diện tích tại Nghệ An và Thanh Hóa bị đổ ngã, ngập úng.

- Nam Bộ: Lúa đang ở giai đoạn làm đòng và trỗ bông.

Tình hình sâu bệnh hại (Bảng 3):

- Trên cây lúa: Bên cạnh các loại dịch hại thường gặp như đạo ôn lá, rầy nâu, bạc lá, xuất hiện thêm các đối tượng nguy hiểm như đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, đen lép hạt, ốc bươu vàng và sâu năn – gây ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt tại khu vực ĐBSCL.

- Trên cây ngô: Ghi nhận sâu keo mùa thu xuất hiện rải rác tại một số tỉnh miền núi và duyên hải.

- Trên cây thanh long: Bệnh đốm nâu phát sinh tại nhiều vùng trồng trọng điểm, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng quả.

- Trên cây cà phê (Tây Nguyên): Tiếp tục chịu ảnh hưởng của bệnh khô cành và gỉ sắt, đe dọa quá trình phát triển quả và sinh trưởng cây.

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
TDMNPB	Lúa	Gieo – cấy- hồi xanh
	Ngô	Thu hoạch
ĐBSH	Lúa	Gieo – cấy- hồi xanh
BTB	Lúa	Đẻ nhánh rộ
	Lạc	Mới gieo
DHNTB	Lúa	Đẻ nhánh – Đẻ nhánh rộ
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
TN	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh rộ
	Cà phê	Nuôi quả
ĐNB	Lúa	Đòng - trỗ
	Thanh long	Chăm sóc - Phát triển thân, lá
ĐBSCL	Lúa	Đòng - trỗ

(Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 6/2025)

Bảng 3. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	24.555	8.949	457	Bình Thuận, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long…
	Bệnh đạo ôn cổ bông	3.899	3.012	-	Lâm Đồng, Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang …
	Sâu cuốn lá nhỏ	9.805	3.537	35	Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh…
	Rầy hại lúa	1.584	693	10	Nghệ An, hà Tĩnh, Quảng Bình, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Tiền Giang, An Giang, Sóc Trăng, Đồng Nai…
	Sâu đục thân 2 chấm	1.663	911	-	Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Long An, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, An Giang, Bà Rịa Vũng Tàu
	Bệnh bạc lá	6.455	3.939	60	Lâm Đồng, Khánh Hòa, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Kiên Giang, Bạc Liêu, Đồng Nai…
	Bệnh đen lép hạt	11.382	8.417	-	Khánh Hòa, Lâm Đồng, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, …
	Ốc bươu vàng	7.170	11.774	199	Thái Nguyên, Điện Biên, Hà Nam…Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cà Mau…
	Chuột	5.909	1.992	24	Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Phú Yên, Đắk Lắk, An Giang, Bạc Liêu, Trà

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
					Vinh, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai…
	Sâu năn	57	40	-	Đồng Tháp, Sóc Trăng….
Ngô	Sâu keo mùa thu	983	1.150	-	Sơn La, Điện Biên, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu…
Thanh long	Bệnh đốm nâu	2.880	4.006	-	Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu,…
Cà phê	Bệnh khô cành	6.058	4.808	-	Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước
	Bệnh gỉ sắt	6.349	10.004	-	Điện Biên, Sơn La, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 6/2025

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

a. Đến cây trồng

- Thiếu nước và khô hạn: Tại vùng ĐBSH và ĐBSCL, lượng mưa từ ngày 1 đến ngày 20/6 phần lớn là không đáp ứng được nhu cầu nước cho cây lúa. Mức thiếu hụt nhẹ dao động từ 12,3 mm (Sơn Tây) đến 154 mm (Mộc Hóa), có thể gây nguy cơ khô hạn và ảnh hưởng đến sinh trưởng cây trồng ngoại trừ một số trạm đáp ứng đủ nhu cầu nước cho cây trồng như Hải Dương, Mỹ Tho và Cần Thơ (Bảng 4).

- Nhiệt độ cao – độ ẩm lớn: Nhiệt độ ban ngày cao kết hợp với độ ẩm không khí cao về đêm tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh phát triển mạnh, đặc biệt là rầy nâu, đạo ôn và sâu cuốn lá nhỏ ở cả miền Bắc và miền Nam.

- Nắng nóng: Xuất hiện trên phạm vi rộng, nhiều khu vực xuất hiện nắng nóng gay gắt, gây ra tình trạng hạn nhẹ đến hạn nặng tại nhiều nơi, làm chậm quá trình sinh trưởng của cây trồng và cản trở hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Xâm nhập mặn: Tuy có xu hướng giảm nhưng xâm nhập mặn vẫn gây ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu, đặc biệt tại các khu vực trồng lúa và nuôi trồng thủy

sản ở Bạc Liêu, Tiền Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, do mặn xâm nhập sâu vào nội đồng.

Bảng 4. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 6/2025

Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSH	Sơn Tây	122.2	109.9	**-12.27**
	Hà Đông	124.0	70.1	**-53.88**
	Hải Dương	123.6	125.2	**+1.60**
	Hưng Yên	122.8	39.5	**-83.34**
	Nam Định	127.5	67.5	**-59.96**
	Văn Lý	131.9	75.5	**-56.36**
	NhoQuan	124.4	75.5	**-48.85**
	Ninh Bình	126.5	54.7	**-71.84**
	Thái Bình	127.3	54.8	**-72.50**
ĐBSCL	Mộc Hóa	182.4	27.7	**-154.66**
	Mỹ Tho	179.4	208.7	**+29.34**
	Cao Lãnh	173.9	39.9	**-133.96**
	Càng Long	171.6	185.6	**+13.96**
	Châu Đốc	178.8	51.3	**-127.47**
	Cần Thơ	175.9	299.8	**+123.86**
	Sóc Trăng	165.1	100.3	**-64.83**
	Rạch Giá	180.0	132.3	**-47.70**
	Bạc Liêu	165.2	95	**-70.21**

b. Đến vật nuôi

Kết quả tính toán chỉ số THI cho thấy, điều kiện khí hậu trong nửa đầu tháng 6 gây ảnh hưởng bất lợi trên diện rộng tới vật nuôi. Cụ thể, THI cao làm giảm khả năng tiêu hóa thức ăn, tăng nhịp tim, gây stress nhiệt cho gia súc và gia cầm trên toàn quốc (Hình 5).

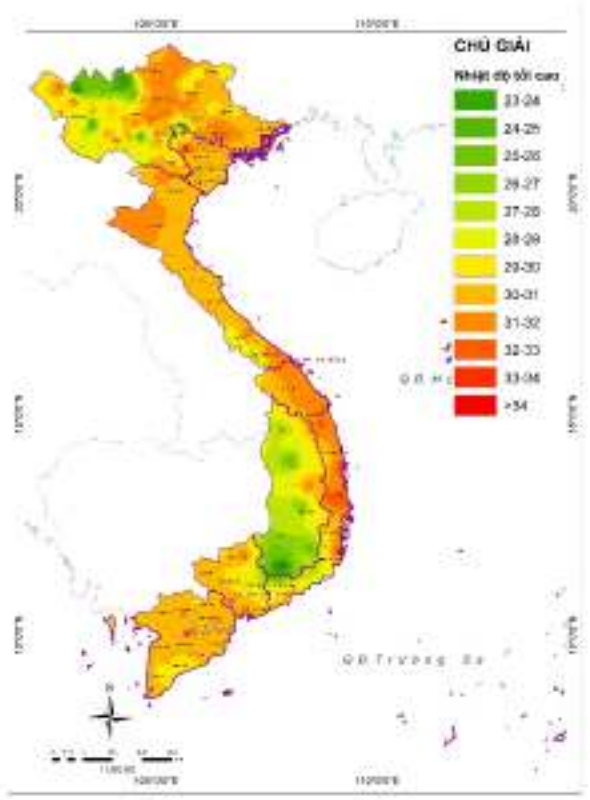

Hình 2. Nhiệt độ tối cao trung bình (Tx) từ ngày 1-20 tháng 6/2025

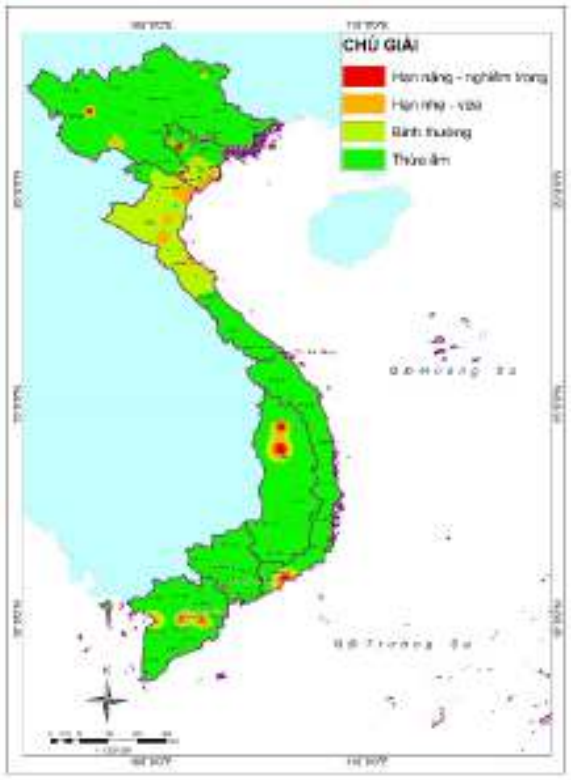

Hình 3. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp từ ngày 1-20 tháng tháng 6/2025

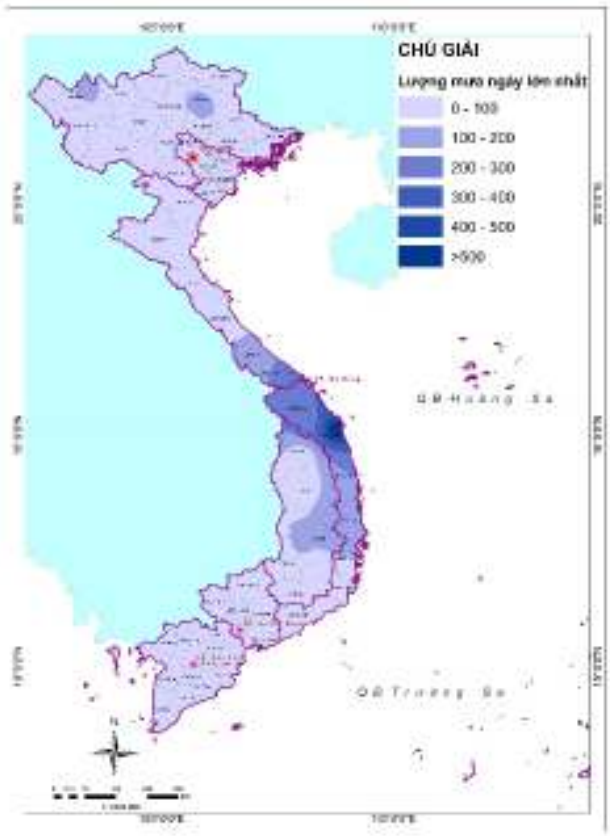

Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 6/2025

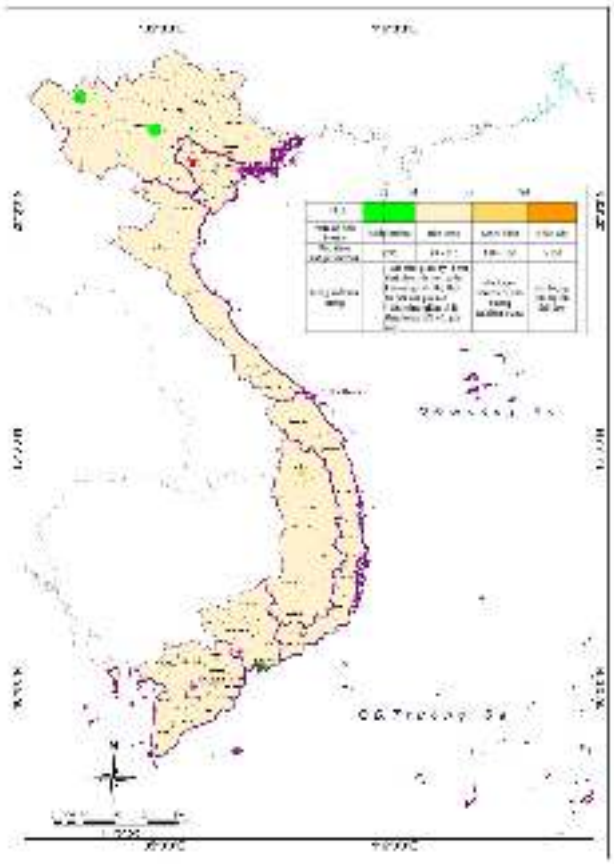

Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 6/2025

PHẦN II.
DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 7 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2025

2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025

Theo bản tin "Thông báo và dự báo khí hậu" số tháng 6/2025 (Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu) cho thấy, ENSO được dự báo tiếp tục duy trì ở trạng thái trung tính trong mùa tiếp theo (tháng 7 – tháng 9) với xác suất 70%. Ở hầu hết các cả nước, nhiệt độ ở mức từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN; lượng mưa ở mức xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Trung Bộ. Các hiện tượng cực đoan bất lợi đối với sản xuất nông nghiệp trong 3 tháng tới:

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Trong mùa 7–9/2025, số cơn bão trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có thể xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN (TBNN: 6-7 cơn trên Biển Đông, 3–4 cơn ảnh hưởng đến đất liền).

- Nắng nóng: Có khả năng xảy ra trên diện rộng tại Bắc Bộ và Trung Bộ trong tháng 7-8/2025, sau đó suy giảm dần trong tháng 9/2025. Tuy nhiên, cường độ nắng nóng dự báo nhẹ hơn năm 2024.

2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025

2.2.1. Đối với cây trồng

a) Tình hình thừa/thiếu nước

- Đối với sản xuất nông nghiệp nói chung:

+ Dự báo từ tháng 7,8/2025, khô hạn nhẹ đến vừa có thể xuất hiện tại Trung Bộ (Nghệ An, Hà Tĩnh) và Nam Trung Bộ (Từ Bình Định đến Phú Yên)

+ Sang tháng 9, vùng khô hạn và nắng nóng có xu hướng giảm nhẹ (Hình 6).

- Đối với cây lúa vùng ĐBSH và ĐBSCL:

+ Trong tháng 7-tháng 8: Hầu hết khu vực ĐBSH và ĐBSCL đều dư thừa nước so với nhu cầu thực tế của cây lúa. Đặc biệt, một số địa phương như Văn Lý, Nho Quan, Ninh Bình (ĐBSH) và Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu (ĐBSCL) cần đề phòng nguy cơ ngập úng cục bộ.

+ Đến tháng 9, lượng mưa tăng mạnh, nguy cơ ngập úng lan rộng, đặc biệt ngoài vùng Đồng Tháp Mười, hầu hết các khu vực còn lại đều có nguy cơ bị ảnh hưởng (Bảng 5).

b) Rủi ro sâu bệnh hại

Thời tiết nóng ẩm từ tháng 7-9 tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều dịch hại phát sinh

và gây hại trên diện rộng:

- Lúa:
    - Miền Bắc: Đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bạc lá, khô vằn, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt, ốc bươu vàng.
    - Bắc Trung Bộ: Bọ trĩ.
    - DHNTB&TN: Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, đạo ôn lá, khô vằn, đen lép thối hạt.
    - Nam Bộ: Rầy nâu, đạo ôn, bạc lá, đen lép hạt.
- Ngô: Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, đốm lá, sâu đục bắp, gỉ sắt, khô vằn.
- Thanh long: Đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc.
- Cà phê: Khô cành, gỉ sắt.
- Hồ tiêu: Chết chậm, chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp.
- Điều: Bọ xít muỗi, thán thư.
- Chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, thối búp.
- Nhãn, vải: Chổi rồng, sâu cuốn lá, sâu đo, thán thư.

Nhận định chung:

Trong các tháng 7 và 8/2025, Trung Trung Bộ là những khu vực dễ bị ảnh hưởng bất lợi do nắng nóng và độ ẩm cao có thể gây xuất hiện nhiều loại sâu bệnh hại cho cây trồng.

Đến tháng 9, các tỉnh vùng ĐBSH và ĐBSCL có thể bị ngập úng do mưa lớn kéo dài, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. (Bảng 6).

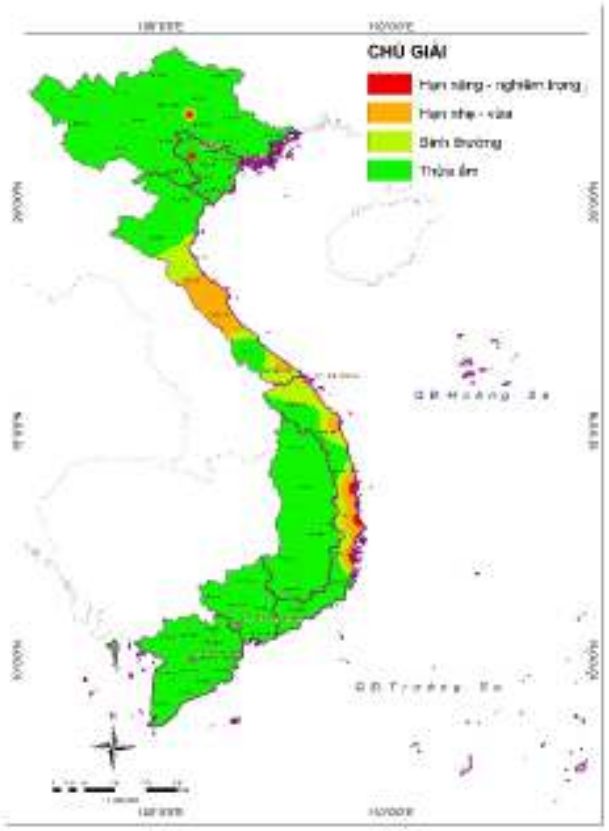

Tháng 7/2025

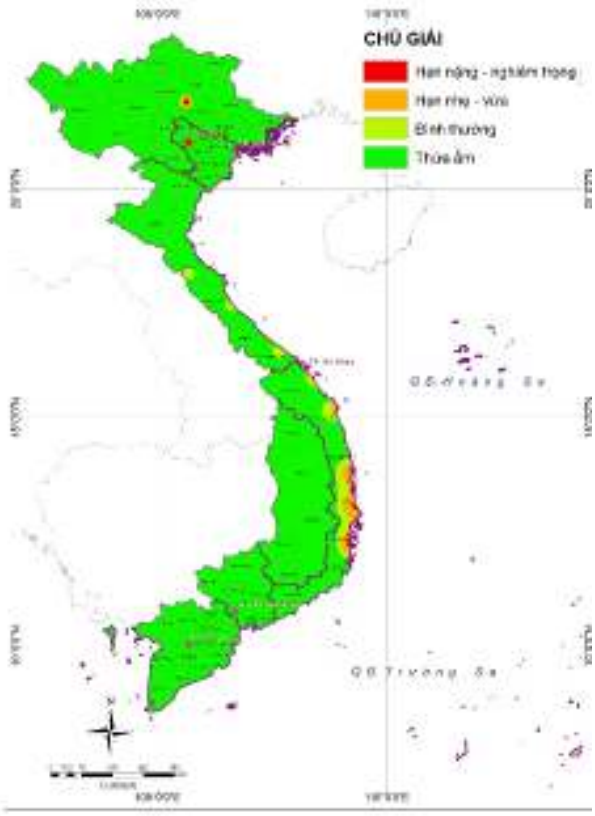

Tháng 8/2025

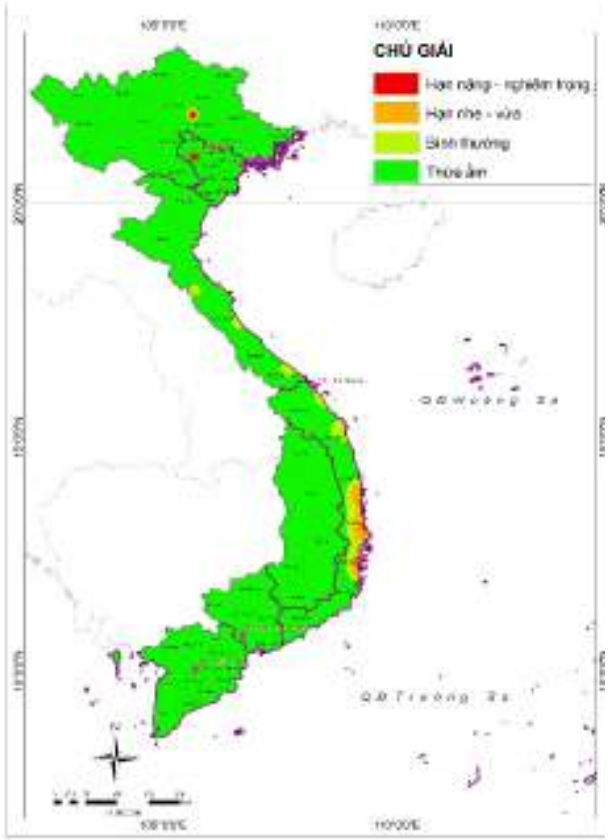

Tháng 9/2025

Hình 6. Dự báo nguy cơ thừa nước/khô hạn trong tháng 7-tháng 9/2025

Bảng 5. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 7 - tháng 9/2025

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m^3/ha)			Khuyến cáo
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	
ĐBSH	Sơn Tây	+1647	+1285	+720	Tháng 7,8: Có nguy cơ ngập Tháng 9: Đủ ẩm
	Hà Đông	+1049	+1085	+804	Tháng 7,8: Dư thừa nước Tháng 9: Đủ ẩm
	Hải Dương	+895	+1113	+583	Tháng 7,9: Đủ ẩm Tháng 8: Dư thừa nước
	Hưng Yên	+723	+985	+1023	Tháng 7,8: Đủ ẩm Tháng 9: Dư thừa nước
	Nam Định	+835	+1136	+1639	Tháng 7: Đủ ẩm Tháng 8: Dư thừa nước Tháng 9: Có nguy cơ ngập
	Văn Lý	+360	+1433	+2333	Tháng 7: Đủ ẩm Tháng 8,9: Có nguy cơ ngập
	Nho Quan	+1227	+1526	+1864	Tháng 7: Quá dư thừa nước Tháng 8,9: Có nguy cơ ngập
	Ninh Bình	+836	+1289	+2095	Tháng 7: Đủ ẩm Tháng 8,9: Có nguy cơ ngập
ĐBSCL	Mộc Hóa	+256	+587	+2554	Tháng 7,8: Đủ ẩm Tháng 9: Có nguy cơ ngập
	Mỹ Tho	+280	+743	+2288	Tháng 7,8: Đủ ẩm Tháng 9: Có nguy cơ ngập
	Cao Lãnh	+241	+636	+2390	Tháng 7,8: Đủ ẩm Tháng 9: Có nguy cơ ngập
	Càng Long	+680	+1208	+2577	Tháng 7: Đủ ẩm Tháng 8,9: Có nguy cơ ngập
	Châu Đốc	-74	+610	+1832	Tháng 7: Thiếu hụt nước Tháng 8: Đủ ẩm Tháng 9: Có nguy cơ ngập
	Cần Thơ	+763	+1258	+2493	Tháng 7: Đủ ẩm Tháng 8,9: Có nguy cơ ngập
	Sóc Trăng	+1120	+1776	+2836	Tháng 7: Dư thừa nước Tháng 8,9: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Rạch Giá	+1595	+2256	+3013	Tháng 7,8,9: Có nguy cơ ngập
	Bạc Liêu	+1294	+1858	+3110	Tháng 7,8,9: Có nguy cơ ngập

Bảng 6. Tổng hợp thông tin thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng từ tháng 7 – tháng 9 năm 2025

Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2025											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TDMNPB	Lúa							TL	ITL	TL			
	Lúa nương							TL	ITL	TL			
	Ngô							TL	ITL	TL			
ĐBSH	Lúa							TL	ITL	TL			
BTB	Lúa							ITL	ITL	ITL			
	Lạc							ITL	ITL	ITL			
DHNTB	Lúa							TL	TL	ITL			
	Thanh Long							TL	TL	ITL			
TN	Lúa							TL	TL	TL			
	Cà phê							TL	TL	TL			
ĐNB	Lúa							TL	ITL	ITL			
	Thanh Long							TL	ITL	ITL			
ĐBSCL	Lúa							TL	ITL	ITL			

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi

Trong các tháng 7, 8/2025, nắng nóng và nhiệt độ cao tiếp tục xuất hiện trên diện rộng cả nước (xem Hình 7). Mặc dù cường độ nắng nóng có xu hướng giảm nhẹ tại một số tỉnh thuộc Tây Bắc và Tây Nguyên, song điều kiện thời tiết vẫn gây bất lợi cho chăn nuôi.

Đến tháng 9, cường độ nắng nóng trên cả nước có xu hướng giảm dần, nhiệt độ giảm làm giảm mức độ ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe vật nuôi,

Dự báo chỉ số nhiệt - ẩm (THI) cho thấy gia súc và gia cầm trên toàn quốc sẽ bị ảnh hưởng bởi stress nhiệt, đặc biệt trong tháng 7-8 tại khu vực Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Bộ. Ảnh hưởng chủ yếu bao gồm:

- Giảm khả năng tiêu thụ thức ăn,

- Tăng nhịp tim và rối loạn hô hấp,
- Suy giảm sức đề kháng, ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trọng và năng suất chăn nuôi (Hình 8).

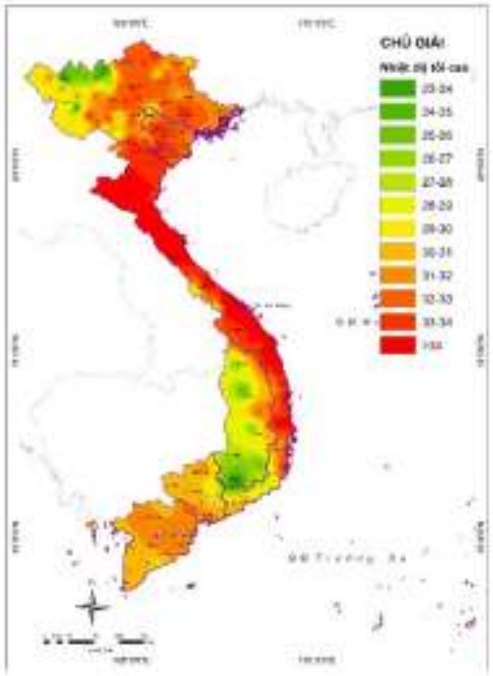

Tháng 7/2025

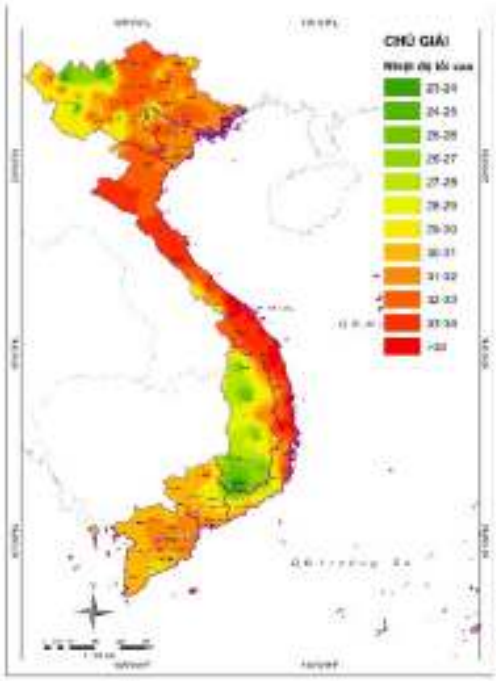

Tháng 8/2025

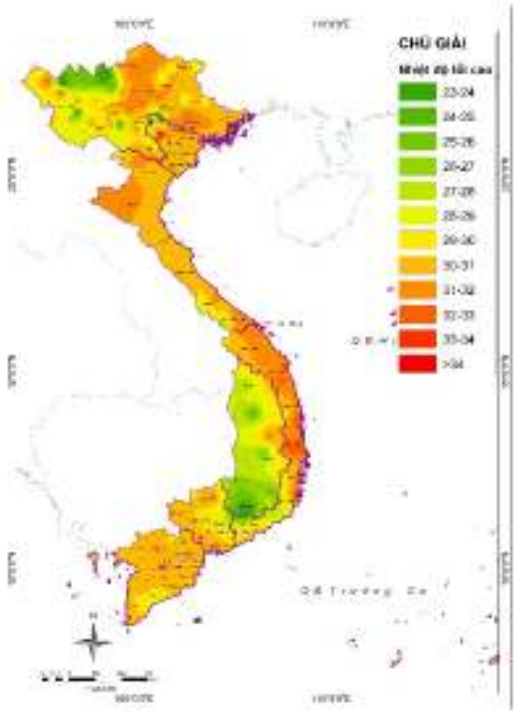

Tháng 9/2025

Hình 7. Dự báo nhiệt độ tối cao (Tx) trung bình tháng 7-tháng 9/2025 (°C)

Tháng 7/2025

Tháng 8/2025

Tháng 9/2025

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thở)	< 90	90 - 110	110 - 130	> 130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, dễ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ và sản lượng của vật nuôi từ tháng 7 đến tháng 9/2025 dựa trên chỉ số THI

PHẦN III.
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 7- THÁNG 9 NĂM 2025

Dựa trên phân tích xu thế khí hậu và rủi ro khí hậu mùa vụ từ tháng 7 đến tháng 9/2025, các biện pháp kỹ thuật được khuyến nghị nhằm chủ động ứng phó và hạn chế thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp (Bảng 7), cụ thể như sau:

1. Trung du và miền núi phía Bắc

Lúa và ngô có nguy cơ ngập úng cục bộ trong tháng 7–8. Cần:

Đảm bảo tiêu thoát nước tốt trong giai đoạn lúa đẻ nhánh và ngô phát triển thân lá

Giữ được mực nước vừa đủ cho giai đoạn lúa làm đòng và trỗ bông;

2. Đồng bằng sông Hồng

Lúa có nguy cơ ngập cục bộ trong tháng 7 và ngập diện rộng trong tháng 8.

Trong vụ mùa, cần đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước đặc biệt tại vùng trũng thấp.

3. Bắc Trung Bộ

Một số nơi có thể gặp hạn nhẹ trong tháng 7.

Cần đảm bảo nguồn nước để đủ độ ẩm cho cây phát triển

Với cây lạc, đảm bảo đủ nước cho cây con phát triển.

4. Duyên hải Nam Trung Bộ

Nguy cơ hạn cục bộ tại các tỉnh ven biển như Ninh Thuận, Bình Thuận.

Lúa cần duy trì mực nước hợp lý trong các giai đoạn sinh trưởng.

Thanh long cần tăng cường tưới bổ sung, chăm sóc sau thu hoạch bằng biện pháp tỉa cành và bón phân hữu cơ giúp phục hồi cây.

5. Tây Nguyên

Tỉnh Kon Tum có thể gặp hạn nhẹ đến vừa trong cả 3 tháng.

Lúa: Ưu tiên thu hoạch sớm, giữ ẩm trong giai đoạn đẻ nhánh.

Cà phê: Bổ sung nước cho giai đoạn phát triển quả; phòng ngừa các bệnh hại như thán thư, rệp sáp; bón phân cân đối.

6. Đông Nam Bộ

Với lúa, cần duy trì mực nước thích hợp (3–7 cm) để hạn chế sâu bệnh trong các giai đoạn làm đòng và trổ bông.

Với thanh long, cần chủ động thoát nước trong tháng 7-9 (khi có nguy cơ ngập cục bộ), đồng thời chăm sóc kỹ trong giai đoạn phát triển và thu hoạch quả để hạn chế bệnh thán thư và hại rệp.

7. Đồng bằng sông Cửu Long

Dự báo ngập úng cục bộ tháng 7-8 và nguy cơ ngập diện rộng trong tháng 9.

Cần chủ động giữ mực nước ruộng hợp lý trong từng giai đoạn sinh trưởng.

Tăng cường tiêu thoát nước ở giai đoạn trổ bông và chắc xanh để hạn chế thiệt hại do úng ngập.

Bảng 7. Tóm tắt khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu		
			Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
TDMNPB	Lúa	Tháng 7,8: Có nguy cơ ngập Tháng 9: Đủ ẩm	Giai đoạn: Gieo – cấy – hồi xanh - Đảm bảo đủ nước cho cây tránh bị ngập úng	- Lúa đẻ nhánh - Giữ mực nước nông đảm bảo cho cây đủ nước phát triển và không bị ngập úng	- Lúa làm đòng –trỗ bông
	Ngô	Tháng 7,8: Có nguy cơ ngập Tháng 9: Đủ ẩm	Giai đoạn: Thu hoạch - Tranh thủ thời tiết nắng ráo thu hoạch	- Giai đoạn: Gieo trồng vụ mới - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	- Cây phát triển thân, lá - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng
ĐBSH	Lúa	Tháng 7,8: Có nguy cơ ngập Tháng 9: Đủ ẩm	Giai đoạn: Gieo – cấy – hồi xanh - Đảm bảo đủ nước cho cây tránh bị ngập úng	- Lúa đẻ nhánh - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	- Lúa làm đòng –trỗ bông
BTB	Lúa	Hạn nhẹ trong tháng 7 Tháng 8,9 đủ ẩm	Giai đoạn: Để nhánh rộ - Đảm bảo nguồn nước cho cây phát triển	- Lúa làm đòng –trỗ bông - Đảm bảo nguồn nước gieo cấy	- Lúa vào giai đoạn chín – thu hoạch - Đảm bảo nguồn nước gieo cấy
	Lạc	Hạn nhẹ trong tháng 7	Giai đoạn: Mới gieo - Đảm bảo nguồn nước cho cây	Giai đoạn: cây con - Đảm bảo nguồn nước cho cây	Giai đoạn: đẻ nhánh Đảm bảo nguồn nước cho cây phát triển

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu		
			Tháng 7	**Tháng 8**	**Tháng 9**
		Tháng 8,9 đủ ẩm			
DHNTB	**Lúa**	Một số khu vực ven biển ở Ninh Thuận, Bình Thuận hạn cục bộ	Giai đoạn: Đẻ nhánh- đẻ nhánh rộ Đảm bảo nguồn nước cho cây	Giai đoạn: Đ làm đòng – trỗ bông - Duy trì mực nước từ 5-7 cm trên mặt ruộng	Giai đoạn: Chắc xanh - Duy trì mực nước từ 3-5 cm trên mặt ruộng
	Thanh Long	Một số khu vực ven biển ở Ninh Thuận, Bình Thuận hạn cục bộ	Giai đoạn: Chăm sóc- thu hoạch - Tưới bổ sung, duy trì độ ẩm	Giai đoạn: Thu hoạch-chăm sóc sau thu hoạch	Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch - Tỉa cành, bón phân hữu cơ, duy trì độ ẩm ổn định để cây phục hồi.
Tây Nguyên	**Lúa**	Hạn nhẹ - vừa ở tỉnh Kon Tum	Giai đoạn: Mạ - đẻ nhánh rộ - Đảm bảo nguồn nước ở tỉnh Kon Tum	- Giai đoạn làm đòng – trỗ bông - Đảm bảo nguồn nước ở tỉnh Kon Tum	Giai đoạn chắc xanh - Duy trì mực nước từ 3-7 cm trên bề mặt ruộng
	Cà phê	Hạn nhẹ - vừa ở các tỉnh Kon Tum	Giai đoạn: Nuôi quả - Đảm bảo đủ ẩm cho quả phát triển.	Giai đoạn: phát triển quả - Đề phòng bệnh thán thư và rệp sáp.	Giai đoạn: Phát triển quả - Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt.
ĐNB	**Lúa**	Tháng 7: Dư thừa nước Tháng 8,9: Có nguy cơ xảy ra ngập	Giai đoạn: Làm đòng – Trỗ bông - Duy trì mực nước 3–7 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: Trỗ bông – chắc xanh - Duy trì mực nước 3-5 cm - Đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: Chín – thu hoạch - Duy trì mực nước 3–5 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.
	Thanh Long	Tháng 7: Dư thừa nước	Giai đoạn: Chăm sóc và phát triển thân lá	Giai đoạn: Phát triển quả	Giai đoạn Giai đoạn: Phát triển quả n: Chín – thu hoạch

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu		
			Tháng 7	**Tháng 8**	**Tháng 9**
		Tháng 8,9: Có nguy cơ xảy ra ngập	- Duy trì độ ẩm đất để hoa nở đồng loạt và tăng tỷ lệ đậu quả. - Đề phòng rệp sáp, bọ trĩ, và bệnh thán thư.	- Bổ sung kali để tăng chất lượng quả và giúp quả chín đều. - Đề phòng bệnh thán thư và rệp sáp. - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	- Đảm bảo thoát nước tốt, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, thu hoạch quả chín đúng độ.
ĐBSCL	**Lúa**	Tháng 7: Dư thừa nước Tháng 8,9: Có nguy cơ xảy ra ngập	Giai đoạn: Làm đòng – trỗ bông - Duy trì mực nước 3–7 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: Trỗ bông – chắc xanh - Duy trì mực nước 3-5 cm - Đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: lúa Chín - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn